

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Số TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
I	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1	Tổ chức mặt bằng công trường: Lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào ngăn, biên báo, cấp điện, cấp nước, thoát nước, nguồn vật liệu, giao thông trong quá trình thi công.	Có bản vẽ và thuyết minh tổ chức mặt bằng công trường cụ thể, rõ ràng và đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Đạt
		Không có bản vẽ hoặc thuyết minh tổ chức mặt bằng công trường hoặc có nhưng không cụ thể, rõ ràng hoặc không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
2	Biện pháp cho công tác định vị các hạng mục công việc và công tác chuẩn bị thi công.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng đối với từng hạng mục thi công.	Đạt
		Không có giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
3	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công các hạng mục chính của công trình theo Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, bản vẽ biện pháp và công nghệ thi công các hạng mục chính của gói thầu đầy đủ, hợp lý, khả thi, đúng yêu cầu kỹ thuật, giải pháp thiết kế.	Đạt
		Không có hoặc có nhưng không hợp lý, không đầy đủ hạng mục và nội dung yêu cầu.	Không đạt

Số TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
4	Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu thanh quyết toán.	Có biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu thanh quyết toán.	Đạt
		Không có biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu thanh quyết toán..	Không đạt
II	Tiến độ thi công		
1	Tổng tiến độ thi công:	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 120 ngày.	Đạt
		Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 120 ngày.	Không đạt
2	Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Có biểu đồ huy động thiết bị và Biểu đồ huy động nhân lực phù hợp với tiến độ thi công.	Đạt
		Đề xuất không đủ hoặc không phù hợp 2 nội dung a hoặc b.	Không đạt
3	Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật theo Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT	Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu theo Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT	Đạt
		Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật theo Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT	Không đạt
III	Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường		
1	Tổ chức quản lý dự án Sơ đồ tổ chức quản lý dự án (Từ người đại diện theo pháp luật của nhà thầu đến các phòng chuyên môn, bộ phận quản lý, chỉ huy trưởng công trường)	Nhà thầu có sơ đồ và thuyết minh sơ đồ tổ chức quản lý dự án hợp lý, khả thi.	Đạt
		Nhà thầu không có sơ đồ , thuyết minh sơ đồ tổ chức quản lý dự án hoặc có nhưng không hợp lý, khả thi.	Không đạt
2	Tổ chức quản lý hiện trường Sơ đồ tổ chức quản lý công trường và trách nhiệm quản lý công trường.	Nhà thầu có sơ đồ, thuyết minh trình bày các nội dung về trách nhiệm của mình trong việc quản lý toàn bộ công trường hợp lý, khả thi.	Đạt
		Nhà thầu không có sơ đồ , không thuyết minh trình bày hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
3	Thời gian xử lý giải quyết đối với các yêu cầu của Chủ	Nhà thầu đề xuất thời gian xử lý giải quyết hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thực hiện	Đạt

Số TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	đầu tư, ban chỉ huy công trường trong việc huy động vật tư, vật liệu, nhân lực, tài chính,...để thực hiện gói thầu	gói thầu.	
		Nhà thầu không đề xuất hoặc có đề xuất thời gian xử lý giải quyết nhưng không hợp lý, không khả thi, hoặc không phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu.	Không đạt
IV	Các biện pháp bảo đảm chất lượng		
1	Bảo đảm cung cấp vật tư, vật liệu phục vụ thi công	- Có danh mục và thuyết minh nêu rõ nguồn vật tư cung cấp, phương án vận chuyển, các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn các loại vật tư, vật liệu.	Đạt
		Không có danh mục và thuyết minh nêu rõ nguồn vật tư cung cấp, phương án vận chuyển, các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn các loại vật tư, vật liệu hoặc có nêu nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
2	Quy trình, biện pháp quản lý chất lượng	- Có đầy đủ quy trình, biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Có đầy đủ quy trình, biện pháp quản lý chất lượng thi công các hạng mục của công trình đảm bảo hợp lý, khả thi, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Đạt
		Không có quy trình, biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu hoặc không có quy trình, biện pháp quản lý chất lượng thi công các hạng mục của công trình hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Không đạt
3	Phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ điều kiện hoạt động theo quy định	Có phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ điều kiện hoạt động theo quy định hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có phòng thí nghiệm đủ điều kiện hoạt động theo quy định để thực hiện công tác thí nghiệm cho gói thầu này.	Đạt
		Không có phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ điều kiện hoạt động hoặc không có hợp đồng nguyên tắc hoặc có hợp đồng nguyên	Không đạt

Số TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		tắc với đơn vị không đủ điều kiện hoạt động theo quy định.	
V	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, phòng chống lụt bão trong mùa mưa lũ		
1	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và quy định hiện hành của pháp luật.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và quy định hiện hành của pháp luật.	Không đạt
2	Bảo đảm điều kiện phòng cháy, chữa cháy	Có biện pháp bảo đảm phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật quy định hiện hành của pháp luật.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp bảo đảm phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và quy định hiện hành của pháp luật.	Không đạt
3	Bảo đảm điều kiện an toàn lao động	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và quy định hiện hành của pháp luật.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động hoặc có biện pháp bảo đảm an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và quy định hiện hành của pháp luật.	Không đạt
VI	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
1	Thời gian bảo hành công trình	Có đề xuất thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng đối với toàn bộ các hạng mục của công trình.	Đạt
		- Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. - Hoặc đáp ứng về thời gian nhưng có kèm theo điều kiện trái với quy định của pháp luật hiện hành.	Không đạt
2	Kế hoạch và nội dung bảo hành	Có đề xuất kế hoạch, nội dung bảo hành công trình rõ ràng, hợp lý, khả thi.	Đạt

Số TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Không đề xuất kế hoạch, nội dung bảo hành hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
VII	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
1	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng trong vòng 03 năm (2022, 2023 và 2024) trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu (Việc chấm thầu dựa theo thông tin nhà thầu cam kết kèm theo E_HSDT, trong quá trình đánh giá E_HSDT, nếu Bên mời thầu có tài liệu chứng minh nhà thầu vi phạm về Uy tín thì sẽ xem xét, làm rõ và tiến hành đánh giá).</p> <p><i>Lưu ý: Nếu nhà thầu vi phạm nhưng vẫn thực hiện bảo đảm dự thầu đáp ứng ECDNT 18.2 Chương II thì Uy tín của nhà thầu vẫn được đánh giá là đạt.</i></p>	Nhà thầu cam kết đảm bảo Kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và luôn huy động được nhân sự, thiết bị khi trúng thầu và ký kết hợp đồng.	Đạt
		Nhà thầu không có cam kết đảm bảo kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và luôn huy động được nhân sự, thiết bị khi trúng thầu và ký kết hợp đồng hoặc Chủ đầu tư/Bên mời thầu phát hiện Nhà thầu không đảm bảo Kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Không đạt
VIII	Các yếu tố cần thiết khác		
1	<p>Nguồn vật tư, vật liệu thông thường phục vụ thi công gói thầu: Xi măng, sắt thép, cát, đá các loại; vật tư thiết bị điện...</p>	Có cam kết của nhà cung cấp vật tư, vật liệu hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp đầy đủ về trữ lượng, chất lượng các vật liệu để thực hiện thi công gói thầu này.	Đạt
		Không có cam kết của nhà cung cấp vật liệu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu hoặc có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư, vật liệu nhưng không đầy đủ về chủng loại, trữ lượng, chất lượng để thực hiện thi công gói thầu này.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSĐT để so sánh, xếp hạng các E-HSĐT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT: Không cho phép